

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

☐ **BẢN LƯU HÀNH HẠN CHẾ**

☐ **BẢN LƯU HÀNH CÔNG KHAI**

(điền vào ô thích hợp)

**BẢN CÂU HỎI ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ
DÀNH CHO NHÀ NHẬP KHẨU**

TÊN DOANH NGHIỆP:.....

TÊN VIẾT TẮT (NẾU CÓ):.....

ĐỊA CHỈ:

VỤ VIỆC: ĐIỀU TRA RÀ SOÁT CUỐI KỲ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ ĐỐI VỚI MỘT SỐ SẢN PHẨM BỘT
NGỌT CÓ XUẤT XỨ TỪ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG
HOA VÀ CỘNG HÒA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

MÃ VỤ VIỆC: ER01.AD09

HÀ NỘI, THÁNG 7 NĂM 2024

CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Quyết định số 1933/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Quyết định số 640/QĐ-BCT ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Quyết định số 1466/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a.

CĂN CỨ:

Quyết định số 1497/QĐ-BCT ngày 23 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương điều tra rà soát cuối kỳ áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a

THỜI HẠN NỘP BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐIỀU TRA:

Trước 17h00 ngày 13 tháng 9 năm 2024 (theo giờ Hà Nội)

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH:

1. Cán bộ phụ trách 1: Bà Vũ Diệu Linh

Email: linhvd@moit.gov.vn

Điện thoại: (024).7303.7898 (máy lẻ 115)

2. Cán bộ phụ trách 2: Ông Nguyễn Hữu Trường Hưng

Email: hungnht@moit.gov.vn

Điện thoại: (024).7303.7898 (máy lẻ 113)

ĐỊA CHỈ:

PHÒNG ĐIỀU TRA THIẾT HẠI VÀ TỰ VỆ

CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

ĐỊA CHỈ: 25 NGÔ QUYỀN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: +84.24.7303.7898

FAX: +84.24.7303.7897

MỤC A – GIỚI THIỆU VỀ CƠ QUAN ĐIỀU TRA

Cục Phòng vệ thương mại (*Cơ quan điều tra*) là cơ quan trong hệ thống tổ chức của Bộ Công Thương có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, cụ thể:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về chống bán phá giá, chống trợ cấp và áp dụng các biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;
- Thụ lý, tổ chức điều tra việc nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam để đề xuất áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp tạm thời và quyết định áp dụng các biện pháp tự vệ tạm thời theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo kết quả điều tra trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện, rà soát việc chấp hành các quyết định áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BẢN TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Mục đích của bản câu hỏi

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị Công ty trả lời đầy đủ, chính xác bản trả lời câu hỏi này, đồng thời có thể gửi kèm theo các tài liệu, chứng cứ hỗ trợ chứng minh sự đầy đủ, chính xác của thông tin trong bản trả lời câu hỏi (*ví dụ như hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, báo cáo tài chính...*). Trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm bột ngọt từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (*Trung Quốc*) và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (*In-đô-nê-xi-a*) này, bản trả lời câu hỏi là căn cứ quan trọng để Cơ quan điều tra xác định:

- Thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước¹; và

- Mọi quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bị bán phá giá với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước².

Cơ quan điều tra bảo lưu quyền ban hành câu hỏi bổ sung để làm rõ các nội dung đã trả lời trong bản trả lời câu hỏi hoặc các nội dung khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết.

2. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ sử dụng trong bản trả lời câu hỏi điều tra là tiếng Việt. Nội dung bản trả lời và các tài liệu kèm theo phải được làm bằng tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Việt mà không cần gửi kèm nguồn tài liệu gốc để đối chứng. Việc sử dụng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, có thể dẫn tới hệ quả là Cơ quan điều tra không sử dụng hoặc không hiểu một cách đầy đủ các nội dung doanh nghiệp muốn truyền tải tại bản trả lời. Trong một số trường hợp, Cơ quan điều tra có thể coi việc sử dụng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt là không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ, đồng thời sử dụng các chứng cứ sẵn có để phục vụ cho việc ban hành kết luận điều tra liên quan.

3. Cung cấp thông tin, số liệu trong bản trả lời câu hỏi

Công ty có trách nhiệm chuẩn bị sẵn và cung cấp nguồn thông tin, số liệu mà được sử dụng để thực hiện bản trả lời câu hỏi. Công ty không được bỏ qua bất cứ câu hỏi hay mục nào. Nếu câu trả lời là "**không**" hoặc "**không thích hợp**", đề nghị giải thích chi tiết. Các thông tin, số liệu không thể xác minh nguồn hoặc không đáng tin cậy có thể bị bác bỏ. Cơ quan điều tra có quyền yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, số liệu vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình vụ việc.

¹ Khoản 2 Điều 80 Luật Quản lý ngoại thương.

² Khoản 3 Điều 80 Luật Quản lý ngoại thương.

Cơ quan điều tra đã điều chỉnh các đơn vị đo lường và tiền tệ phù hợp với từng sản phẩm khác nhau trong bản câu hỏi và các bảng tài liệu đính kèm. Công ty cần cung cấp thông tin một cách cẩn trọng, chính xác và phù hợp với các đơn vị đo lường và tiền tệ này. Trong trường hợp không thể cung cấp được hoặc phải sử dụng đơn vị đo lường hay tiền tệ khác, Công ty cần liên lạc với cán bộ phụ trách vụ việc để được hướng dẫn.

4. Thời kỳ điều tra

Là thời kỳ Cơ quan điều tra sử dụng để thu thập các thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác điều tra. Thời kỳ điều tra rà soát cuối kỳ trong vụ việc này từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, cụ thể:

POI: từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

POI-1: từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

POI-2: từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

POI-3: từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

POI-4: từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

5. Các công ty liên kết

Tất cả các công ty là công ty liên kết của Công ty, gồm: công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết ở Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến việc mua, bán hoặc phân phối hàng hóa thuộc đối tượng điều tra, cung cấp nguyên vật liệu để sản xuất hàng hóa bị điều tra, đều thuộc phạm vi điều tra này và đều phải **gửi bản trả lời câu hỏi riêng** trong cùng thời hạn nêu trên.

Đề nghị lưu ý rằng các bên được coi là liên kết nếu:

- a) Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia; hoặc
- b) Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba; hoặc
- c) Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba; hoặc
- d) Trên thực tế, một bên bị một bên khác kiểm soát, chi phối, gây ảnh hưởng đáng kể tới việc ban hành các quyết định, chính sách; và/hoặc chi phối các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

6. Bảo mật thông tin

Việc bảo mật thông tin tuân thủ quy định tại Điều 75 Luật Quản lý ngoại thương, Điều 11 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 8 Thông tư

06/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Công ty phải điền vào ô “**bản lưu hành hạn chế**” hoặc “**bản lưu hành công khai**” tại trang đầu của bản câu hỏi này.

Cơ quan điều tra đảm bảo rằng các bên liên quan có cơ hội tiếp cận các thông tin công khai liên quan đến vụ việc và được sử dụng trong quá trình điều tra.

Các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh (*ví dụ như việc công bố thông tin đó có thể sẽ tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể cho đối thủ cạnh tranh*) hoặc những thông tin được cung cấp trên cơ sở yêu cầu bảo mật đã nêu lý do và được Cơ quan điều tra chấp nhận sẽ được xử lý như những thông tin mật.

Các bên yêu cầu xử lý thông tin dưới dạng mật phải:

(a) Chỉ rõ thông tin nào được yêu cầu bảo mật; và

(b) Nêu lý do yêu cầu bảo mật; và

(c) Cung cấp bản công khai tóm tắt những nội dung của thông tin được yêu cầu bảo mật. Nếu thông tin không thể tóm tắt được thì phải nêu lý do vì sao. Bản công khai phải có nội dung tương ứng với bản mật nhưng các thông tin mật được bỏ đi hoặc được tóm tắt hoặc được mã hóa, miễn rằng không làm mất ý nghĩa chung hoặc xu hướng diễn biến của thông tin, số liệu.

Thông tin mà Công ty coi là mật có thể được tóm tắt như sau:

Ví dụ về thông tin mật (*bản lưu hành hạn chế*):

POI-2	POI-1	POI
20,000 USD	30,000 USD	40,000 USD

Thông tin tóm tắt (*bản lưu hành công khai*):

POI-2	POI-1	POI
100	150	200

Lưu ý: Trường hợp Công ty không cung cấp bản lưu hành công khai tương ứng, Cơ quan điều tra sẽ coi bản lưu hành hạn chế là bản lưu hành công khai và có thể cung cấp cho các bên liên quan yêu cầu.

7. Định dạng nội dung dữ liệu, số liệu điện tử

- Dữ liệu điện tử phải đáp ứng các tiêu chí sau: Số liệu phải bao gồm công thức tính toán đầy đủ và định dạng MS Excel; và

- Không được thay đổi tên bảng biểu, tên và thứ tự các trường thông tin, các đơn vị đã được thiết lập trong bản câu hỏi. Trường hợp Công ty thấy cần thiết thay đổi, cần liên lạc với cán bộ phụ trách để được hướng dẫn; và

- Font chữ: Times New Roman, kiểu nhập: Telex, cỡ chữ: 13 – 14, căn lề: Justify, cách dòng: 1,3 pt; và

- Dữ liệu điện tử không được chứa bất kỳ loại virus máy tính nào.

8. Nộp bản trả lời câu hỏi

Công ty phải nộp cả bản trả lời câu hỏi dưới dạng bản in (*bản cứng*) và bản điện tử (*bản mềm*) trong thời hạn quy định.

- Đối với bản in: 02 (*hai*) bản lưu hành hạn chế và 01 (*một*) bản lưu hành công khai³, các phụ lục liên quan về số liệu không cần nộp dưới dạng bản in; và

- Đối với bản điện tử: 01 (*một*) bản lưu hành hạn chế và 01 (*một*) bản lưu hành công khai có nội dung giống bản in và được lưu trữ vào USB, các phụ lục liên quan về số liệu phải được nộp dưới dạng bản điện tử; và

- Cơ quan điều tra chỉ xem xét các bản trả lời câu hỏi có đầy đủ cả bản in và bản điện tử có cùng nội dung, và được tiếp nhận trong thời hạn quy định theo dấu công văn đến. Các công ty không đáp ứng được các tiêu chí nêu trên sẽ có thể bị coi là không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ.

- Bản trả lời câu hỏi phải được gửi trực tiếp đến Cơ quan điều tra theo địa chỉ sau:

Phòng Điều tra thiệt hại và tự vệ

Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

9. Gia hạn nộp bản trả lời câu hỏi

Nếu Công ty không thể trả lời bản câu hỏi đúng hạn, đề nghị gửi đề nghị gia hạn bằng văn bản, do đại diện theo pháp luật của Công ty ký và đóng dấu trước khi kết thúc thời hạn trả lời. Đề nghị gia hạn phải nêu được lý do hợp lý dẫn tới việc không thể hoàn thành bản trả lời câu hỏi đúng hạn. Cơ quan điều tra có thể xem xét gia hạn nhưng không quá 30 (*ba mươi*) ngày. Cơ quan điều tra có quyền từ chối đề nghị gia hạn thời hạn trả lời bản câu hỏi nếu đề nghị gia hạn được gửi quá gần thời hạn trả lời bản câu hỏi.

10. Điều tra tại chỗ để xác minh thông tin, tài liệu

Cơ quan điều tra có quyền tiến hành trưng cầu giám định hoặc kiểm tra, xác minh tính xác thực của thông tin, tài liệu do bên liên quan cung cấp hoặc thu thập thêm thông

³ Lưu ý: những thông tin mật được thể hiện bởi thuật ngữ “lưu hành hạn chế” theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chỉ có những tài liệu nào có ghi rõ “lưu hành hạn chế” mới được coi là tài liệu mật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và Điều 6 của Hiệp định WTO về việc Thực hiện Điều VI của GATT 1994 (*Hiệp định về chống bán phá giá*).

tin, tài liệu cần thiết để giải quyết vụ việc. Cơ quan điều tra có quyền tiến hành việc điều tra tại chỗ, bao gồm cả việc điều tra tại nước ngoài.

11. Thông tin khác

Mọi thông tin chi tiết, đề nghị Công ty liên hệ với cán bộ phụ trách để được hướng dẫn.

MỤC B - THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

B.1 Thông tin về công ty

Tên công ty:

Loại hình công ty:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ nhà máy 1⁴:

Địa chỉ nhà máy 2⁵:

Người đại diện theo pháp luật⁶:

Điện thoại:

E-mail:

Người liên hệ⁷:

Điện thoại:

Email:

Địa chỉ trang web:

1. Đề nghị cung cấp sơ đồ về toàn bộ cơ cấu tổ chức của Công ty (*kèm theo các mô tả chung*), ghi rõ các bộ phận, phòng, ban liên quan đến việc nghiên cứu & phát triển thị trường, kế toán, bán hàng và phân phối hàng hóa bị điều tra ở Việt Nam và các thị trường xuất khẩu để giúp Cơ quan điều tra hiểu biết toàn diện về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của các bộ phận chuyên trách theo cơ cấu tổ chức của công ty.

2. Đề nghị cung cấp tên, địa chỉ, điện thoại, người liên lạc, email của tất cả các công ty liên kết ở Việt Nam và nước ngoài, có liên quan đến việc sản xuất, bán, nghiên cứu và phát triển, phân phối và cung cấp hàng hóa bị điều tra. Ghi rõ các hoạt động mà mỗi công ty liên kết đó tham gia và tỷ lệ sở hữu cổ phần. (***Phụ lục B.1***)

B.2. Cá nhân, tổ chức kiểm soát hoạt động của Công ty

Đề nghị cung cấp thông tin, về cá nhân tổ chức là (i) người nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần của Công ty trở lên; và/hoặc (ii) là người thực tế có quyền điều hành và/hoặc có vai trò tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty trong các thời kỳ POI-4 tới POI. (***Phụ lục B.2***)

B.3 Đại diện theo pháp luật

⁴ Nếu có nhà máy để gia công hàng hóa nhập khẩu để tăng giá trị gia tăng hoặc thành một hàng hóa khác.

⁵ Sử dụng trong trường hợp Công ty có nhiều hơn 01 nhà máy.

⁶ Trong trường hợp không thể liên lạc với người liên hệ, Cơ quan điều tra sẽ liên lạc với người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp không thể liên lạc với người đại diện theo pháp luật, Cơ quan điều tra sẽ sử dụng chứng cứ sẵn có trong vụ việc.

⁷ Có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc là người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền một cách hợp pháp để làm đầu mối liên lạc với Cơ quan điều tra.

Nếu Công ty có đại diện theo pháp luật để hỗ trợ việc tham gia quá trình điều tra này, đề nghị cung cấp các chi tiết sau, kèm theo bản gốc giấy ủy quyền:

Tên Văn phòng Luật/Công ty Tư vấn:

Tên Người phụ trách:

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

Địa chỉ trang web:

B.4 Quan hệ với các công ty Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a

1. Nếu Công ty có quan hệ hợp đồng với bất kỳ công ty nào khác ở Việt Nam hoặc (các) nước thứ ba để sản xuất (ví dụ như gia công), cung cấp hoặc bán hàng hóa bị điều tra hoặc các thỏa thuận sử dụng li-xăng, phát minh, sáng chế kỹ thuật hoặc thỏa thuận đền bù, đề nghị nêu rõ tính chất của các hợp đồng đó, quốc gia nơi (các) công ty đối tác đặt trụ sở.

2. Nêu chi tiết về các lĩnh vực hoạt động khác trong đó Công ty có các mối liên hệ thương mại khác với Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a (cơ sở sản xuất, liên doanh...).

B.5 Các hàng hóa khác

Đề nghị mô tả tất cả các hàng hóa khác mà không phải hàng hóa bị điều tra được sản xuất và/hoặc bán bởi Công ty, đồng thời đánh dấu hoa thị (“*”) vào những hàng hóa là hàng hóa bị điều tra hoặc được sử dụng là nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng hóa bị điều tra trong thời kỳ điều tra (làm rõ là thời kỳ nào trong thời kỳ điều tra, như là POI-4, POI-3, POI-2, POI-1 hay POI). (Phụ lục B.5)

B.6 Chế độ kế toán/tài chính

1. Đề nghị mô tả chi tiết chế độ báo cáo kế toán và tài chính của công ty, bao gồm cả kỳ kế toán thông thường của công ty (ví dụ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12). Đề nghị giải thích những thay đổi về kỳ kế toán hoặc thông lệ kế toán của công ty trong 03 (ba) năm tài chính gần đây nhất (nếu có).

2. Đề nghị cung cấp các báo cáo tài chính sau đây trong 03 (ba) năm tài chính gần nhất, bao gồm cả các báo cáo tài chính theo tháng và quý (nếu có):

- Hệ thống tài khoản kế toán đầy đủ⁸;

- Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của tất cả các năm trong thời kỳ điều

⁸ Tham khảo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

tra, theo chế độ kế toán thông thường của Công ty, bao gồm: bảng cân đối tài sản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ (*bao gồm cả ý kiến và ghi chú của công ty kiểm toán đối với các báo cáo đó*);

- Các báo cáo kế toán, các báo cáo quản trị nội bộ hoặc báo cáo lỗ lãi dưới các hình thức khác nhau liên quan đến chế độ kế toán thông thường của Công ty về hàng hóa bị điều tra của tất cả các năm trong thời kỳ điều tra;

- Tất cả các báo cáo tài chính theo chế độ kế toán/tài chính thông thường và dưới bất kỳ hình thức nào khác đã được nộp cho chính quyền địa phương hoặc Trung ương;

3. Nếu công ty là thành viên của một (*nhóm*) công ty (*ví dụ tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ - con...*), đề nghị cung cấp cả những báo cáo tài chính hợp nhất của (*nhóm*) công ty đó theo từng năm trong thời kỳ điều tra. Đề nghị cung cấp báo cáo tài chính và các văn bản liên quan của tất cả các công ty liên kết trong quan hệ sản xuất, bán hàng nội địa tại Việt Nam hoặc xuất khẩu hàng hóa bị điều tra.

4. Đề nghị nêu rõ địa chỉ nơi lưu giữ hồ sơ kế toán của Công ty. Nếu các hồ sơ này được lưu ở các nơi khác nhau, đề nghị ghi rõ những hồ sơ nào được lưu giữ ở đâu.

5. Đề nghị mô tả tóm tắt hệ thống kế toán của Công ty và mô tả chi tiết hệ thống quản trị thông tin và cung cấp sơ đồ các bộ phận chính (*hệ thống kế toán, hạch toán chi phí, trả lương, v.v...*) và mối liên hệ giữa các bộ phận này.

MỤC C - HÀNG HÓA NHẬP KHẨU BỊ ĐIỀU TRA

C.1 Mô tả hàng hóa nhập khẩu bị điều tra

Tên sản phẩm: Bột ngọt

Tên khoa học/ Tên tiếng Anh: Monosodium Glutamate (*MSG*)

Tên thông thường: Bột ngọt, Mì chính, MSG, Mononatri glutamat, Monosodium L-glutamate, Sodium glutamate, Muối natri của acid glutamic.

Mã HS của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra: **2922.42.20**

Bất kỳ dẫn chiếu nào tới “**hàng hóa nhập khẩu bị điều tra**” hoặc “**hàng hóa nhập khẩu**” trong Bản câu hỏi này là những hàng hoá được mô tả ở trên. Những hàng hóa không phù hợp với mô tả trên không thuộc phạm vi điều tra. Đề nghị giới hạn phần trả lời của Công ty trong phạm vi thông tin liên quan đến hàng hóa bị điều tra.

C.2 Chi tiết về hàng hóa nhập khẩu

Đề nghị giải thích chi tiết chủng loại của hàng hoá bị điều tra do Công ty và các công ty liên kết nhập khẩu và bán ra.

Đề nghị cung cấp một bộ đầy đủ gồm các tài liệu giới thiệu sản phẩm do Công ty và/hoặc các công ty liên kết phát hành, trong đó bao gồm tất cả các loại và/hoặc chất lượng của hàng hóa bị điều tra được bán trên thị trường Việt Nam và các thị trường nước ngoài. (*Phụ lục C.2*)

C.3 So sánh hàng hóa

Đề nghị so sánh hàng hóa bị điều tra do Công ty bán ở Việt Nam với hàng hóa được nhập khẩu từ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a và hàng hóa được nhập khẩu từ các nước thứ ba khác, chỉ rõ bất kỳ sự khác biệt nào về kỹ thuật, đặc tính vật lý và mục đích sử dụng cuối cùng. Trình bày việc so sánh theo bảng (*Phụ lục C.3*)

MỤC D - SẢN XUẤT, MUA VÀO VÀ TỒN KHO

D.1 Thông tin chung về mua hàng

Đề nghị mô tả chi tiết cách thức và điều kiện mua hàng hoá bị điều tra: các điều khoản hợp đồng của Công ty với nhà cung cấp; các thủ tục hành chính có liên quan, kể từ khi có phát sinh đơn đặt hàng cho tới khi hàng hóa được cung cấp, bao gồm cả thủ tục thông quan hải quan (nếu có); các điều khoản về thanh toán; vận chuyển, bảo hiểm, đóng gói, bốc, dỡ hàng và các chi phí phụ trợ; giấy phép; các khoản bảo đảm; bảo hành; hỗ trợ kỹ thuật; dịch vụ sau bán hàng, v.v...

Đề nghị mô tả chi tiết quá trình vận chuyển hàng hóa bị điều tra từ nhà sản xuất tới người mua hàng.

D.2 Mua hàng hóa bị điều tra

Cơ quan điều tra cần thiết xác minh việc Công ty mua hàng hóa bị điều tra tại Việt Nam, mua hàng hóa bị điều tra có xuất xứ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a và có xuất xứ từ nước khác để phục vụ cho cuộc điều tra. **(Phụ lục D.2)**

D.3 Hàng hóa bị điều tra có xuất xứ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a

Đề nghị chuẩn bị một danh sách (bản điện tử) bao gồm tất cả các giao dịch mua hàng hoá bị điều tra cho thấy việc nhập khẩu hàng hoá bị điều tra của Công ty vào Việt Nam có nguồn gốc từ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a trong thời kỳ điều tra. Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết của từng giao dịch, và cung cấp cả thông tin về tất cả các phiếu nợ (credit notes) liên quan tới các giao dịch này. Để xác định xem giao dịch mua hàng nào nằm trong thời kỳ điều tra thì ngày ghi hoá đơn sẽ được sử dụng như là ngày mua hàng. Đề nghị cung cấp tất cả các thông tin dưới đây, nếu liên quan, về mỗi giao dịch.

Nếu Công ty mua hàng hóa có xuất từ 02 (hai) nước, đề nghị lập thành các bảng riêng cho mỗi nước. **(Phụ lục D.3)**

D.4. Hàng tồn kho

Đề nghị liệt kê tất cả các địa điểm và điền vào Bảng D.4.1 trong file excel kèm theo. Nếu công ty xác định được rõ hàng nhập vào, bán ra được nhập khẩu từ nguồn (xuất xứ) nào, đề nghị tách thành các bảng riêng. **(Phụ lục D.4)**

MỤC E - BÁN HÀNG

E.1 Giới thiệu

E.1.1. Đề nghị trình bày các kênh phân phối của Công ty tại Việt Nam, gồm cả kênh phân phối của tất cả các bên liên quan.

Đề nghị gửi kèm các điều khoản bán hàng và chính sách xây dựng giá cho từng đối tượng khách hàng (ví dụ, các nhà bán buôn, các nhà phân phối, người sử dụng cuối cùng, gia công, v.v.), tương tự đối với các bên liên quan.

E.1.2. Đề nghị mô tả các bước trong quá trình đàm phán bán hàng, kể từ lúc liên hệ với người mua hàng cho tới lúc có bất cứ sự điều chỉnh nào về giá sau khi bán. Nếu các mức giá này là khác nhau giữa các đối tượng khách hàng, khu vực địa lý hay thời gian giao hàng thì đề nghị cung cấp các thông tin chi tiết đầy đủ.

E.1.3. Khi hàng nhập khẩu được nhập thông qua nước trung gian, đề nghị cung cấp thông tin sau:

- Đề nghị giải thích một cách chi tiết từng kênh phân phối mà thông qua đó hàng hoá bị điều tra được nhập khẩu vào Việt Nam. Đề nghị chỉ rõ tên của các công ty liên quan và xác định liệu những công ty này có phải là công ty liên quan với công ty hay không. Liệt kê chủng loại của hàng hoá bị điều tra và những nước mà từ đó hàng hóa được vận chuyển tới Việt Nam.

- Nếu có thêm bất cứ hoạt động gia công nào hoặc nếu hàng hoá bị điều tra được thay đổi dưới bất cứ hình thức nào ở những nước trung gian, đề nghị giải thích chi tiết.

- Nếu việc bán hàng của công ty được thực hiện theo hợp đồng (dài hạn hoặc ngắn hạn), đề nghị trình bày chi tiết quá trình thỏa thuận hợp đồng trong đó bao gồm thỏa thuận về giá và số lượng. Đề nghị trình bày từng loại hợp đồng có thể áp dụng cho hàng hoá bị điều tra, bao gồm các điều khoản, yêu cầu thay đổi giá cả hoặc đàm phán lại...

E.1.4 Đề nghị tóm tắt việc bán hàng hoá bị điều tra của Công ty theo bảng (Phụ lục E.1.4)

E.2. Giao dịch bán hàng

Đề nghị liệt kê dưới dạng một danh sách (bản điện tử) của tất cả giao dịch bán hàng hoá bị điều tra tại Việt Nam trong giai đoạn điều tra. Thông tin về tất cả các phiếu ghi nợ (credit notes) được phát hành trực tiếp cho các khách hàng độc lập, hoặc cho các bên thứ ba khác (xem Danh mục tại mục E.2.2). Để xác định các giao dịch trong giai đoạn điều tra thì ngày trên hóa đơn sẽ được sử dụng là ngày thực hiện giao dịch đó.

Hướng dẫn chung về cung cấp bản điện tử:

- Thông tin phải được ghi vào USB.
- Những thông tin này phải được lập bằng MS Excel.

Thông tin trong đĩa phải được cung cấp theo định dạng nêu trên. Nếu công ty muốn cung cấp thông tin dưới định dạng khác, đề nghị liên hệ với Cơ quan điều tra trước khi gửi thông tin.

Bảng E.2.1. Danh mục giao dịch của các hoá đơn bán hàng

	Miêu tả trường	Tên trường	Giải thích
A	Số thứ tự	(SN)	Xác định từng giao dịch, hoặc món hàng, trong danh mục liệt kê bán hàng, theo số thứ tự (ví dụ, vụ giao dịch đầu tiên là "1" thì giao dịch thứ hai là "2", và tiếp theo tương tự như vậy)
B	Tên thương mại của loại hàng hóa	(TYPE)	Chỉ rõ tên thương mại của loại hàng hóa (như chỉ rõ trong bảng C.3.1)
C	Hệ thống mã hàng hóa nội bộ của công ty	(SALECOD)	Chỉ rõ mã được sử dụng cho sản phẩm trong sổ sách của công ty
D	Số hóa đơn	(INVNUM)	Chỉ rõ số của hóa đơn
E	Ngày trên hóa đơn	(INVDATE)	báo cáo trên hoá đơn của giao dịch đó (DDMMYY)
F	Mã khách hàng	(CUSTNUM)	Chỉ rõ một mã số đối với mỗi khách hàng của công ty
G	Cấp độ thương mại của khách hàng	(LEVTRAD)	Sử dụng mã số "1" cho người sử dụng", mã "2" cho nhà phân phối, mã "3" cho những đối tượng khác
H	Khách hàng liên kết	(RELCUST)	Sử dụng mã số "0" cho những khách hàng liên kết, mã số "1" cho những khách hàng độc lập
I	Khối lượng	(QTY)	Báo cáo khối lượng của hàng hoá được bán theo Tấn
I	Tổng trị giá hóa đơn	(GRINVVAL)	Báo cáo tổng trị giá hóa đơn sau khi trừ thuế theo đơn vị tiền tệ bán
K	Các khoản chiết khấu trên hóa đơn	(SALDISC)	Báo cáo khoản được khấu trừ trên hóa đơn
L	Trị giá thực hóa đơn	(NETINVVAL)	Báo cáo trị giá hóa đơn thực sau tất cả các khấu trừ trên theo đơn vị tiền tệ bán
M	Đơn vị tiền tệ trên hóa đơn	(CURR)	Chỉ rõ đơn vị tiền tệ được sử dụng
N	Các điều khoản về thanh toán	(PAYTERM)	Chỉ rõ các điều khoản thanh toán được thống nhất với khách hàng (ví dụ, 30, 60, 90 ngày, v.v...)
O	Các điều khoản giao hàng	(DELTERM)	Chỉ rõ các điều khoản đã được thống nhất về giao hàng (ví dụ, FOB, C&F, CIF,v.v...)
P	Các chi phí giao hàng	(DELCOSTS)	Chỉ rõ các chi phí vận chuyển như là các chi phí thực, hoặc là tỷ lệ của trị giá hóa đơn (%), hoặc khối lượng (chi phí cho mỗi đơn vị)
Q	Tiền hoa hồng	(COMM)	Tiền mặt, khấu trừ về khối lượng,v.v...
R	Trị giá CIF tại biên giới Việt Nam	(CIFVAL)	Cung cấp trị giá CIF của hàng hóa tại biên giới Việt Nam, tức là chưa trả thuế, trị giá này phải đồng nhất với trị giá hải quan được khai báo. Trong trường hợp hàng hoá không được bán trên cơ sở CIF, đề nghị xác định trị giá CIF trên cơ sở thông tin sẵn có tốt nhất mà công ty có. Trong trường hợp này, chi tiết đầy đủ về cách thức điều chỉnh mức độ CIF phải được cung cấp trong câu trả lời mang tính tường thuật.
S	Ngày trên phiếu nợ	(CREDDATE)	Chỉ rõ ngày của phiếu nợ được phát hành

	Miêu tả trường	Tên trường	Giải thích
T	Số phiếu nợ	(CREDNUMB)	Chỉ rõ số của phiếu nợ đã phát hành

Danh mục E.2.2 Phiếu nợ (credit note)

Bảng E.2.2. Phiếu nợ

	Miêu tả trường	Tên trường	Giải thích
1	Số thứ tự	(SN)	Đánh số nối tiếp nhau cho mỗi phiếu nợ, ví dụ, phiếu đầu tiên là số "1", phiếu thứ hai là "2", và cứ tiếp như vậy
2	Tên thương mại của hàng hóa	(TYPE)	Như trong danh mục E.2.1
3	Hệ thống mã hàng hóa nội bộ của công ty	(SALECOD)	Như trong danh mục E.2.1
4	Số phiếu nợ	(CREDNUMB)	Chỉ rõ số của phiếu nợ
5	Ngày trên phiếu nợ	(CREDDATE)	Cho biết ngày phát hành của phiếu nợ
6	Số hóa đơn liên quan	(INVNUM)	Đảm bảo rằng số này tương ứng với số ở trong danh mục E.2.1 ở những chỗ thích hợp
7	Mã khách hàng	(CUSTNUM)	Như trong danh mục E.2.1
8	Số lượng được nợ	(QTY)	Chỉ rõ số lượng của hàng hoá được nợ
9	Trị giá được nợ	(CREDVAL)	Chỉ rõ trị giá được nợ
10	Đơn vị tiền tệ	(CURR)	Chỉ rõ đơn vị tiền tệ được sử dụng

MỤC F - LỢI NHUẬN

F.1 Lợi nhuận

Đề nghị hoàn thành bảng sau đây về những giao dịch bán hàng của công ty tại Việt Nam. (*Phụ lục F.1*)

F.2 Cơ sở xây dựng giá hàng hóa

1. Đề nghị giải thích những yếu tố/đặc điểm chính nào có tác động quyết định đến giá bán lại hàng hóa nhập khẩu.

Các yếu tố liên quan đến giá: Đề nghị cho biết những thay đổi trong các yếu tố sau đây: hoa hồng từ nhà sản xuất xuất khẩu nước ngoài, sự cạnh tranh với đối thủ, mức độ cạnh tranh từ sản phẩm thay thế, chi phí vận chuyển/giao hàng, cầu tại Việt Nam, cải tiến công nghệ, các chính sách của Nhà nước..... có làm tăng, giảm hoặc không có tác động gì tới giá bán lại hàng hoá nhập khẩu bị điều tra tại thị trường Việt Nam trong thời kỳ điều tra và cho biết mức độ quan trọng của sự thay đổi của các yếu tố này. Đề nghị giải thích từng yếu tố (nếu có).

2. Nếu giá được tính trên cơ sở các bảng giá, đề nghị cung cấp bảng giá được áp dụng trong thời kỳ điều tra. Đề nghị giải thích các bảng giá này được sử dụng như thế nào để xác định mức giá bán cuối cùng đối với khách hàng.

4. Nếu Công ty không sử dụng bảng giá, đề nghị giải thích cơ sở để ấn định giá cả trong quá trình đàm phán bán hàng. Đề nghị cung cấp mẫu hợp đồng bán hàng nếu Phòng bán hàng của công ty sử dụng hợp đồng mẫu đó.

5. Công ty có chính sách chiết khấu giá hay không? Nếu có, đề nghị cho biết Công ty có thay đổi chính sách chiết khấu giá trong thời kỳ điều tra hay không?

6. Công ty bán hàng chủ yếu trên cơ sở nào (hợp đồng ngắn hạn, hợp đồng hàng năm, hợp đồng dài hạn, theo giao dịch...)? Tỷ lệ bán hàng theo từng loại hình là như thế nào?

9. Thời gian từ khi khách hàng đặt hàng đến ngày giao hàng có thay đổi trong thời kỳ điều tra hay không? Nếu có, đề nghị nêu rõ.

10. Sự sẵn có của hàng hoá bị điều tra tại thị trường Việt Nam (sự sẵn có của hàng sản xuất trong nước, của hàng nhập khẩu) có thay đổi trong thời kỳ điều tra? Nếu có, đề nghị giải thích và nêu rõ sự thay đổi đến từ nước nào (với hàng nhập khẩu), lý do.

12. Cầu, sự thay đổi về cầu:

- Cung cấp lượng cầu hàng hoá bị điều tra trong thời kỳ điều tra.

- Đề nghị cho biết lượng cầu tại Việt Nam và ngoài Việt Nam (nếu biết) đối với hàng hoá nhập khẩu có thay đổi trong thời kỳ điều tra hay không?

- Công ty dự đoán lượng cầu sẽ thay đổi như thế nào trong tương lai? Giải thích căn cứ đưa ra dự đoán.

- Giải thích xu hướng và mô tả các yếu tố chính đã ảnh hưởng và công ty dự đoán là sẽ ảnh hưởng đến sự thay đổi của cầu.

13. Có loại hàng hóa tương tự đặc thù nào mà ngành sản xuất trong nước không thể cung cấp được hay không? Nếu có, đề nghị giải thích rõ và cung cấp bằng chứng.

MỤC G - CÁC CÂU HỎI KHÁC

- Các tác động cụ thể đối với công ty nếu áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với việc nhập khẩu hàng hoá bị điều tra có xuất xứ từ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a?

- Đề nghị bình luận về các yếu tố về lợi ích kinh tế - xã hội khác của Việt Nam nếu áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với việc nhập khẩu hàng hoá bị điều tra có xuất xứ từ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a?

MỤC H – MỐI QUAN HỆ NHÂN QUẢ

Đề nghị nêu chi tiết các nguyên nhân khác ngoài việc hàng hóa nhập khẩu bị điều tra có xuất xứ từ Trung Quốc và/hoặc In-đô-nê-xi-a gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước mà Công ty biết.

CAM KẾT VỀ SỰ CHÍNH XÁC CỦA THÔNG TIN ĐƯỢC CUNG CẤP

Người ký tên dưới đây cam kết rằng mọi thông tin được cung cấp trong bản trả lời câu hỏi này là đầy đủ và chính xác và hiểu rằng Cơ quan điều tra có thể tiến hành điều tra tại chỗ để xác minh các thông tin được cung cấp.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tên, chức danh của người có thẩm quyền
(ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2 – MỘT SỐ THUẬT NGỮ

Điều kiện giao hàng: Những cụm từ viết tắt sau đây để giải thích các thuật ngữ trong Incoterms:

- *Tại cơ sở nhà xuất khẩu*

EXW Ex Works - Xuất xưởng

- *Giao cho người chuyên chở đầu tiên*

FCA Free Carrier - Giao cho người chuyên chở đầu tiên

FAS Free Alongside Ship - Giao hàng dọc mạn tàu

FOB Free On Board - Giao qua lan can tàu

- *Người xuất khẩu chịu chi phí chuyên chở*

CFR Cost and Freight - Giá hàng và phí vận chuyển

CIF Cost, Insurance and Freight – Tiền hàng, phí bảo hiểm và vận chuyển

CPT Carriage Paid To - Phí vận chuyển trả tại điểm đến

CIP Carriage and Insurance Paid To - Phí vận chuyển và phí bảo hiểm trả tại điểm đến

- *Giao tại nước nhập khẩu*

DAF Delivered At Frontier - Giao hàng dọc biên giới

DES Delivered Ex Ship - Giao hàng sau khi dỡ khỏi tàu

DEQ Delivered Ex Quay - Giao hàng tại cầu cảng

DDU Delivered Duty Unpaid - Giao hàng trước khi nộp thuế nhập khẩu

DDP Delivered Duty Paid - Giao hàng sau khi nộp thuế nhập khẩu

Nhân công trực tiếp: Bao gồm tất cả chi phí nhân công được xác định cùng với hoặc gắn liền với một hàng hóa cụ thể hoặc quá trình sản xuất cụ thể. Chi phí này bao gồm lương cơ bản, lương ngoài giờ, thưởng, trợ cấp theo ca, trợ cấp lao động (ví dụ nhà ở, ngày nghỉ, lương hưu, bảo hiểm xã hội) và tất cả các chi phí khác liên quan đến nhân công.

Nguyên liệu trực tiếp: Là toàn bộ chi phí về nguyên liệu thô và phụ liệu, kể cả chi phí chuyên chở nguyên vật liệu vào kho, các khoản thuế và các chi phí khác để có được chúng. Nếu nguyên liệu thô được cung cấp bởi một công ty liên kết thì chi phí này phải được thể hiện trong ghi chép kế toán của công ty đó.

Chi phí tài chính: Bao gồm lãi suất của các khoản vay dài hạn, vay ngắn hạn, lãi suất và phí ngân hàng khác.

Chi phí sản xuất chung: Bao gồm tất cả các khoản chi phí phát sinh và cần thiết để sản xuất hàng hóa ngoại trừ chi phí nguyên liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp. Các chi phí về lao động gián tiếp, quản lý, các khoản đi thuê, điện, bảo dưỡng và sửa chữa, v.v... cũng nằm trong chi phí sản xuất chung.

Các chi phí sau nhập khẩu: Chi phí vận chuyển từ điểm nhập khẩu đến cơ sở của Công ty. Các chi phí đóng gói bổ sung, chi phí tài chính phát sinh ngoài và các chi phí cho đại lý/môi giới hải quan.

Mua vào: Là tất cả các hoạt động mua vào đối với hàng hóa bị điều tra dưới dạng thành phẩm. Việc mua vào vẫn được coi là mua vào thành phẩm ngay cả khi Công ty thực hiện những thay đổi nhỏ đối với hàng hoá mua vào (ví dụ đóng gói lại) trước khi bán lại.

Tồn kho: Tồn kho thành phẩm và hàng hóa đang trong quá trình sản xuất.